

# CAE Listening Part 1 - Test 1

## Đề bài

### Extract One

You hear someone speaking about being an astronaut.

#### 1) What does the speaker say about sleeping in space?

You need to be adaptable.

You need to get really tired.

You have access to special medication.

#### 2) What parameters, according to the speaker, can affect the quality of your sleep in space?

The length of your mission.

Your diet.

Your physical size.

### Extract Two

You hear someone speaking about playing computer games

#### 1) What does the speaker feel about the future of games with a sexist bias?

They don't have a good future.

They are becoming evermore popular.

They are unlikely to disappear.

#### 2) What is the mindset of game creators, according to the speaker?

There is a reluctance to abandon the male viewpoint.

It is important to follow traditional practices.

Change will be good for business.

## Extract Three

You hear someone speaking about working in Antarctica.

### 1) How does the speaker feel about working in Antarctica?

She is thrilled to be there.

She has mixed feelings.

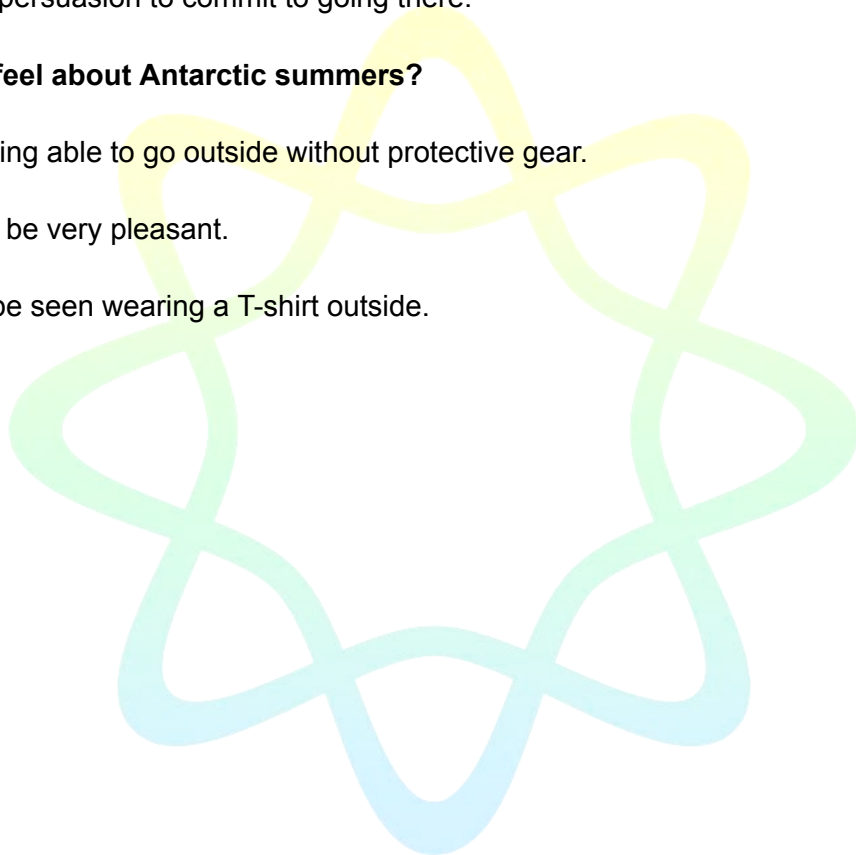
She needs a lot of persuasion to commit to going there.

### 2) How does she feel about Antarctic summers?

She resents not being able to go outside without protective gear.

Occasionally it can be very pleasant.

She can regularly be seen wearing a T-shirt outside.



## Đáp án

Câu	Đáp án	Giải thích
<b>Extract 1</b>		
Q1	A	Người nói nhấn mạnh rằng việc ngủ trong không gian rất khó để điều chỉnh (difficult to adjust) trong ngắn hạn, đòi hỏi phi hành gia phải có khả năng thích nghi cao.
Q2	A	Người nói so sánh giữa việc ở ngắn hạn (short term) và dài hạn (longer term). Thời gian thực hiện nhiệm vụ chính là yếu tố quyết định sự thay đổi trong chất lượng và thói quen ngủ.
<b>Extract 2</b>		
Q1	C	Người nói khẳng định rằng các trò chơi mang tính phân biệt giới tính có lẽ vẫn sẽ tiếp tục tồn tại (probably continue to exist) vì vẫn có một bộ phận người chơi yêu thích chúng.
Q2	A	Người nói giải thích rằng phần lớn game vẫn được thiết kế từ góc nhìn nam giới (designed from a male perspective) và các nhà phát triển nam thường tạo ra nhân vật theo sở thích cá nhân của họ.
<b>Extract 3</b>		
Q1	B	Người nói mô tả sự cô lập vừa tạo ra cảm giác gắn kết cộng đồng nhưng đồng thời cũng gây ra căng thẳng (stressful), cho thấy cảm xúc đan xen, không hoàn toàn tích cực hay tiêu cực.
Q2	B	Bài nghe đề cập rằng vào giữa mùa hè, khi không có gió, ánh nắng có thể làm thời tiết ấm áp một cách đáng ngạc nhiên (surprisingly warm), cho phép mặc áo thun đi lại dù nhiệt độ thường rất thấp.

# Transcript

## Extract One

Sleeping on station was actually pretty comfortable. When we would go up on shuttle missions, we'd sort of have a camp-out scheme, where you'd get your sleeping bag out in the morning and put it on the wall, or the ceiling, or sleep in the airlock. And then in the morning, you'd roll your sleeping bags up.

But when you stay on space station, you have your own sort of small closet, if you will, your crew quarter, that you can put your sleeping bag up on the wall and leave it there. And I used bungees to hold myself into my sleeping bag. They're big elastic cords, so they're kind of like big, monster, huge rubber band-like cords that have some elasticity to them.

So I would put the bungees around my sleeping bag, and then the bungees would provide a sort of a force that would hold me to the wall. Sleeping in space is something that, if you're only there for a short term, it's really difficult to adjust. But when you're there for a longer term, it seems very natural.

### **Dịch nghĩa:**

Ngủ trên trạm không gian thực ra khá thoải mái. Khi chúng tôi thực hiện các nhiệm vụ bằng tàu con thoi, mọi người thường có kiểu “cắm trại” nhỏ: buổi sáng lấy túi ngủ ra rồi gắn lên tường, trần nhà hoặc ngủ trong khoang khóa khí. Sau đó đến sáng hôm sau thì cuộn túi ngủ lại. (Nhưng khi ở trên trạm vũ trụ lâu dài, bạn sẽ có một không gian nhỏ riêng giống như một cái tủ cá nhân gọi là khoang nghỉ của phi hành đoàn nơi bạn có thể treo túi ngủ lên tường và để nguyên ở đó. Tôi dùng dây bungee để giữ cơ thể mình trong túi ngủ. Đó là những sợi dây đàn hồi lớn, kiểu như những sợi dây cao su khổng lồ có độ co giãn.

Tôi quấn dây bungee quanh túi ngủ, và chúng tạo ra một lực giúp giữ tôi cố định vào bức tường. Việc ngủ trong không gian, nếu chỉ ở đó trong thời gian ngắn, sẽ rất khó thích nghi. Nhưng khi ở lâu hơn, cảm giác đó lại trở nên hoàn toàn tự nhiên.

## Extract Two

The speaker believes that most video games are still designed from a male perspective, which makes many games less inclusive for female players. He explains that the problem is not necessarily the gameplay or the storyline, but the way characters are presented. Male developers often create male characters they admire and female characters they are attracted to, resulting in overly sexualized female characters.

He thinks that having more diverse development teams, especially with more women involved, could improve the situation. Although sexist games will probably continue to exist because some players enjoy them, many game companies are beginning to realize that avoiding sexist content can help attract a wider audience and expand their customer base.

## Dịch nghĩa:

Người nói cho rằng phần lớn trò chơi điện tử hiện nay vẫn được phát triển theo góc nhìn của nam giới, điều này khiến nhiều trò chơi trở nên kém hòa nhập hơn với người chơi nữ. Anh giải thích rằng vấn đề không hẳn nằm ở cơ chế chơi hay cốt truyện, mà ở cách các nhân vật được xây dựng. Các nhà phát triển nam thường tạo ra những nhân vật nam mà họ muốn trở thành và những nhân vật nữ mà họ cảm thấy hấp dẫn, dẫn đến việc các nhân vật nữ bị “tinh dục hóa” quá mức.

Anh cho rằng nếu đội ngũ phát triển đa dạng hơn, đặc biệt có nhiều phụ nữ tham gia hơn, thì tình hình sẽ được cải thiện. Dù các trò chơi mang tính phân biệt giới tính có lẽ vẫn sẽ tồn tại vì vẫn có người yêu thích chúng, nhiều công ty game đã bắt đầu nhận ra rằng việc tránh những yếu tố đó có thể giúp họ tiếp cận được nhiều khách hàng hơn và mở rộng thị trường người chơi.

## Extract Three

The speaker talks about his experience working in Antarctica and explains that the biggest challenge is the extreme isolation. Once deployed there, workers cannot leave or return home easily, meaning they are constantly surrounded by colleagues, even during their free time. While this can create a strong sense of community, it can also become stressful.

Another major challenge is the cold weather. Even simple outdoor tasks require a lot of preparation because workers must wear gloves and protective clothing. As a result, jobs that should take only a few minutes often take much longer. The speaker jokingly calls this the “Antarctic time factor”.

He also describes the weather during the Antarctic summer. Temperatures are usually around minus twenty degrees Celsius, depending on the wind. However, in the middle of summer, temperatures can rise slightly above zero. When there is no wind, the sunshine can make it feel surprisingly warm, allowing people to walk around in T-shirts, although sunscreen is still necessary.

## Dịch nghĩa:

Người nói chia sẻ về trải nghiệm làm việc tại Nam Cực và cho biết khó khăn lớn nhất là sự cô lập cực độ. Một khi đã được điều đến đó làm việc, mọi người không thể dễ dàng rời đi hay trở về nhà, nghĩa là họ luôn ở cạnh đồng nghiệp, kể cả trong thời gian nghỉ ngơi. Điều này vừa tạo cảm giác gắn kết vừa đôi khi gây căng thẳng.

Một khó khăn lớn khác là thời tiết lạnh giá. Ngay cả những công việc đơn giản ngoài trời cũng cần chuẩn bị rất kỹ vì mọi người phải mặc găng tay và đồ bảo hộ. Vì thế, những việc lẽ ra chỉ mất vài phút thường kéo dài hơn nhiều. Người nói gọi vui điều này là “yếu tố thời gian Nam Cực”.

Anh cũng mô tả thời tiết vào mùa hè ở Nam Cực. Nhiệt độ thường khoảng âm 20 độ C, tùy thuộc vào gió. Tuy nhiên, vào giữa mùa hè, nhiệt độ đôi khi tăng lên trên 0 độ trong vài ngày. Khi không có gió, ánh nắng mặt trời khiến thời tiết trở nên khá ấm áp, đến mức mọi người có thể mặc áo thun đi lại, dù vẫn cần dùng nhiều kem chống nắng.